

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB thanh lý đợt 1/2023

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội và văn bản số 1566/BTP-BTTP ngày 29/4/2020 của Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản có hiệu lực từ ngày 25/3/2022;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-EVNNPC ngày 02/3/2022 về việc ban hành hướng dẫn công tác quản lý vật tư và thanh xử lý nhượng bán tài sản áp dụng trong EVNNPC;

Căn cứ Công văn số 3456/EVNNPC-TCKT ngày 26/7/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc thanh lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-PCDB ngày 28/8/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB bán thanh lý đợt 1/2023;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-PCDB ngày 31/8/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên về việc phê duyệt lại giá khởi điểm tài sản, VTTB bán thanh lý đợt 1/2023;

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-PCDB ngày 06/9/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên phê duyệt tiêu chí đánh giá, thủ tục và trình tự lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản, hạng mục: Lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB bán thanh lý đợt 1/2023.

Công ty Điện lực Điện Biên thông báo việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB thanh lý đợt 1/2023 để thực hiện bán VTTB, tài sản thanh lý như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

1.1. Tên đơn vị: Công ty Điện lực Điện Biên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

1.2. Địa chỉ: Số 904, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 3, phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin về tài sản bán đấu giá:

Tài sản bán thanh lý là vật tư thiết bị điện thu hồi hỏng, không có nhu cầu sử dụng (chi tiết theo phụ lục đính kèm), bao gồm các loại VTTB như sau:

| TT | Tên tài sản | Số lượng |
|----|---|---|
| 1 | Phần 1: VTTB, tài sản không thuộc chất thải nguy hại | Gồm 68 danh mục (chi tiết theo phụ lục đính kèm) |
| 2 | Phần 2: VTTB, tài sản thuộc danh | Gồm 34 danh mục |

| | |
|---|----------------------------------|
| mục chất thải nguy hại hoặc có chứa (dính) chất thải nguy hại | (chi tiết theo phụ lục đính kèm) |
| Tổng cộng | 102 danh mục |

3. Giá khởi điểm chưa bao gồm thuế VAT: Giá khởi điểm của tài sản, chưa bao gồm thuế VAT là: 1.305.618.111 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ ba trăm lẻ năm triệu, sáu trăm mười tám ngàn, một trăm mười một đồng*).

- + Giá trị tài sản, VTTB không chứa chất thải nguy hại là: 1.284.948.303 đồng.
- + Giá trị tài sản, VTTB là chất thải nguy hại hoặc có chứa chất thải nguy hại là: 20.669.808 đồng.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và thành phần Hồ sơ đăng ký tham gia bán đấu giá

a) Tiêu chí lựa chọn:

Các tiêu chí lựa chọn được thực hiện theo Quy định của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và các văn bản pháp quy của Nhà nước và Tổng công ty Điện lực miền Bắc (*Chi tiết theo Hồ sơ đính kèm*)

b) Yêu cầu thành phần Hồ sơ của Tổ chức bán đấu giá đăng ký tham gia bán đấu giá tài sản:

- Số lượng: 02 bộ (01 bộ gốc + 01 bộ sao).
- Thành phần Hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị tham gia bán đấu giá tài sản.
 - + Bảng báo giá thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản.
 - + Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập).
 - + Hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá: Hồ sơ năng lực bao gồm các tài liệu liên quan phục vụ công tác đánh giá theo tiêu chí lựa chọn tại Phần III "*Bảng chấm điểm được áp dụng theo Thông tư số 02/2022-TT-BTP ngày 8/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*". Tổ chức đấu giá phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu để chứng minh năng lực của mình. Công ty Điện lực Điện Biên sẽ không thực hiện làm rõ, đề nghị bổ sung tài liệu trong quá trình đánh giá.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia bán đấu giá:

a) Thời gian nộp hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ thời điểm thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp "<https://dgts.moj.gov.vn>", đến 17 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2023.

+ Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, hồ sơ sẽ được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2023 và phải đảm bảo Công ty Điện lực Điện Biên nhận được chậm nhất sau 02 ngày (hai ngày) kể từ thời điểm kết thúc nhận Hồ sơ.

+ Hồ sơ được gửi đến sau thời điểm quy định trên sẽ không hợp lệ và không được xem xét, đánh giá.

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Kế hoạch và Vật tư Công ty Điện lực Điện Biên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc (*trong giờ hành chính*).

+ Địa chỉ: Số 904, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 3, phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

+ Điện thoại: 0215.3824 384.

Công ty Điện lực Điện Biên sẽ có thông báo về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá trên cổng thông tin điện tử đấu giá Quốc gia của Bộ Tư pháp, đồng thời thông báo bằng văn bản tới tổ chức đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Hồ sơ tham dự lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá không được hoàn trả lại.

Công ty Điện lực Điện Biên thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin <https://dgts.moj.gov.vn> (đăng tin);
- Cổng thông tin <https://npc.com.vn>;
- Cổng thông tin <http://pcdienbien.com.vn>);
- BGĐ;
- KT, TCKT, ĐT, KD, TTBVPC;
- Lưu: VT, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Hùng

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
Hạng mục: Lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB
bán thanh lý đợt 1/2023
(Kèm theo Thông báo số 2291 /TB-PCDB ngày 07/9/2023)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1.1 Quy định này quy định về tiêu chí đánh giá và các thủ tục, trình tự lựa chọn, đánh giá Hồ sơ năng lực Tổ chức Đấu giá tài sản, thực hiện bán đấu giá tài sản là TSCĐ, VTTB thanh lý đợt 1/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên.

1.2 Thực hiện áp dụng đối với các Tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ đăng ký tham dự dịch vụ tổ chức bán Đấu giá tài sản

2. Thông tin chung:

2.1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Công ty Điện lực Điện Biên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Địa chỉ: Số 904, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 3, phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Đặc điểm của tài sản bán đấu giá:

- Nguồn gốc tài sản, VTTB: Tài sản, vật tư thiết bị thu hồi từ các công trình ĐTXD, SCL, SCTX, mất phẩm chất không có nhu cầu sử dụng, cụ thể:

| TT | Tên tài sản | Số lượng |
|-----------|--|---|
| 1 | Phần 1: Tài sản, VTTB không chứa chất thải nguy hại | Gồm 68 danh mục (chi tiết theo phụ lục đính kèm) |
| 2 | Phần 2: Tài sản, VTTB là chất thải nguy hại hoặc có chứa chất thải nguy hại | Gồm 34 danh mục (chi tiết theo phụ lục đính kèm) |
| | Tổng cộng | 102 danh mục |

- Giá khởi điểm của tài sản, VTTB bán đấu giá chưa bao gồm thuế VAT là: 1.305.618.111 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ ba trăm lẻ năm triệu, sáu trăm mười tám ngàn, một trăm mười một đồng*).

Trong đó:

- + Giá trị tài sản, VTTB không chứa chất thải nguy hại là: 1.284.948.303 đồng.
- + Giá trị tài sản, VTTB là chất thải nguy hại hoặc có chứa chất thải nguy hại là: 20.669.808 đồng.

3. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá:

- Việc đánh giá hồ sơ năng lực được áp dụng với các Tổ chức Đấu giá tham

dự có hồ sơ hợp lệ, các tiêu chí lựa chọn được thực hiện theo Quy định của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và các văn bản pháp quy của Nhà nước và Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Thông báo nộp Hồ sơ tham dự và kết quả lựa chọn Tổ chức bán đấu giá được thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ tư pháp <https://dgts.moj.gov.vn/>. và trang thông tin điện tử của Công ty Điện lực Điện Biên.

Phần II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

1. Căn cứ thực hiện:

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội và Văn bản số 1566/BTP-BTTP ngày 29/4/2020 của Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật, đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản có hiệu lực từ ngày 25/3/2022;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-EVNNPC ngày 02/3/2022 về việc ban hành hướng dẫn công tác quản lý vật tư và thanh xử lý nhượng bán tài sản áp dụng trong EVNNPC;

Căn cứ Công văn số 3456/EVNNPC-TCKT ngày 26/7/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc thanh lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-PCĐB ngày 15/8/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản, VTTB bán thanh lý đợt 1/2023;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-PCĐB ngày 28/8/2023 của Công ty Điện lực Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản, VTTB bán thanh lý đợt 1/2023;

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Tiêu chí bắt buộc: phải có tên trong danh sách tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp công bố (theo tiêu chí quy định tại Mục VI-Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022).

- Tiêu chí chấm điểm: Thực hiện chấm điểm hồ sơ các Tổ chức đấu giá theo thang điểm quy định tại Phần III " BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN"

PHẦN III**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Bảng chấm điểm được áp dụng theo Thông tư số 02/2022-TT-BTP ngày 8/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----------|---|-------------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện. | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22,0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4,0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá | 4,0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4,0 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | 3,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|------------|--|-------------|
| 6 | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i> | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i> | 6,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i> | 3,0 |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i> | 4,0 |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i> | 5,0 |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i> | 6,0 |
| 2 | <i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i> | 18,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i> | 10,0 |
| 2.2 | <i>Từ 20% đến dưới 40%</i> | 12,0 |
| 2.3 | <i>Từ 40% đến dưới 70%</i> | 14,0 |
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i> | 16,0 |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i> | 18,0 |
| 3 | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i> | 5,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i> | 3,0 |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i> | 4,0 |
| 3.3 | <i>Từ 05 năm trở lên</i> | 5,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|------------|
| 4 | So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3 | 3,0 |
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3,0 |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4,0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng. | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng. | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng. | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động, Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào) | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên | 3,0 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | 1,0 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp, Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3 | 5,0 |
| 1 | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài | 3,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|----|--|------------|
| | <i>chính</i> | |
| 2 | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 4,0 |
| 3 | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí tại các điểm thuộc mục 1, 2, 3. | 5,0 |
| 1 | Số lượng hợp đồng đấu giá thành cho các đơn vị thuộc EVN trong năm trước liền kề (năm 2022). - Tổ chức có số lượng hợp đồng nhiều nhất đạt điểm tối đa: 2 điểm; - Tổ chức có số lượng hợp đồng nhiều thứ 2 Đạt 1,5 điểm; - Tổ chức có số lượng hợp đồng nhiều thứ 3 Đạt 1 điểm; - Tổ chức có số lượng hợp đồng nhiều thứ 4 đến thứ n Đạt 0,5 điểm. <i>(Tổ chức đấu giá tài sản phải liệt kê tất cả các hợp đồng đấu giá thành trong năm 2022, không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng. Tuy nhiên nếu Tổ chức không liệt kê các hợp đồng theo yêu cầu sẽ không thực hiện chấm điểm mục này)</i> | 2 |
| 2 | Số lượng bình quân khách hàng tham gia đấu giá tài sản, trong các Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện <i>(các cuộc đấu giá do đơn vị tổ chức)</i> cho các đơn vị thuộc EVN trong năm trước liền kề (năm 2022). - Trong đó số lượng khách hàng (KH) bình quân tham gia đấu giá được tính bằng tổng số lượng KH tham gia đấu giá trên tổng số cuộc bán đấu giá (chỉ tính các cuộc đấu giá thành): - Có từ 15 khách hàng/cuộc đấu giá đạt điểm tối đa - Có từ 10 đến dưới 15 khách hàng/cuộc đấu giá: 1 điểm - Có từ 5 đến dưới 10 khách hàng/cuộc đấu giá: 0.5 điểm - Có dưới 5 khách hàng/cuộc đấu giá: 0 điểm. <i>(Tổ chức đấu giá tài sản phải liệt kê theo yêu cầu "có mẫu kèm theo", nếu không liệt kê theo yêu cầu sẽ không thực hiện chấm điểm mục này)</i> | 1,5 |
| 3 | Tổ chức đấu giá tài sản có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đấu giá + Có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên đạt số điểm tối đa: 1,5 điểm + Có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm: 1 điểm + Có dưới 10 năm kinh nghiệm: 0 điểm | 1,5 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|----|---|---------------------------|
| VI | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1 | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Đủ điều kiện</i> |
| 2 | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Không đủ điều kiện</i> |

PHẦN IV YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ

1. Thành phần Hồ sơ của Tổ chức bán đấu giá đăng ký tham giá bán đấu giá tài sản:

- Số lượng: 02 bộ (01 bộ gốc + 01 bộ sao)
- Thành phần Hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị tham gia bán đấu giá tài sản.
 - + Bảng báo giá thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản.
 - + Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập).
 - + Hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá: Hồ sơ năng lực bao gồm các tài liệu liên quan phục vụ công tác đánh giá theo tiêu chí lựa chọn tại Phần III "*Bảng chấm điểm được áp dụng theo Thông tư số 02/2022-TT-BTP ngày 8/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*". Tổ chức đấu giá phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu để chứng minh năng lực của mình. Công ty Điện lực Điện Biên sẽ không thực hiện làm rõ, đề nghị bổ sung tài liệu trong quá trình đánh giá.

2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia bán đấu giá

a) Thời gian nộp hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ thời điểm thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ tư pháp "<https://dgts.moj.gov.vn>", đến 17 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2023.

+ Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, hồ sơ sẽ được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2023 và phải đảm bảo Công ty Điện lực Điện Biên nhận được chậm nhất sau 02 ngày (hai ngày) kể từ thời điểm kết thúc nhận Hồ sơ.

+ Hồ sơ được gửi đến sau thời điểm quy định trên sẽ không hợp lệ và không được xem xét.

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Văn phòng Công ty Điện lực Điện Biên hoặc phòng Kế hoạch và Vật tư Công ty Điện lực Điện Biên - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc (*trong giờ hành chính*)

+ Địa chỉ: Số 904, đường Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 3, phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

+ Điện thoại: 0215.3824 384.

Công ty Điện lực Điện Biên sẽ có thông báo về kết quả lựa chọn Tổ chức bán đấu giá trên cổng thông tin điện tử đấu giá Quốc gia của Bộ tư pháp, đồng thời thông báo bằng văn bản tới tổ chức đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Hồ sơ tham dự lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá không được hoàn trả lại.

Công ty Điện lực Điện Biên thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký.

3. Mẫu kê khai số lượng, giá trị hợp đồng đã thực hiện và số lượng khách hàng tham gia đấu giá:

| TT | Tên/số hợp đồng và ngày hợp đồng | Ngày tổ chức đấu giá | Bên có tài sản bán đấu giá | Tài sản đấu giá | Giá khởi điểm (trước thuế) | Giá trúng đấu giá | Số lượng khách hàng tham gia đấu giá | Ghi chú |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------|--------------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | |

* Ghi chú: Số thứ tự (TT) tương ứng Tổng giá trị hợp đồng

PHẦN V
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC TÀI SẢN, VTTB THU HỒI BÁN THANH LÝ KHÔNG
CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI**

| TT | Tên chủng loại | ĐVT | Số lượng | Tổng trọng lượng (kg) | Ghi chú |
|-----------|--|------------|-----------------|------------------------------|----------------|
| 1 | Sắt các loại thu hồi | Kg | 11.546,38 | 11.546,38 | |
| 2 | Sắt các loại thu hồi | Kg | 157,34 | 157,34 | |
| 3 | Đồng các loại thu hồi | Kg | 352,10 | 352,10 | |
| 4 | Nhôm các loại TH | Kg | 4,32 | 4,32 | |
| 5 | Cáp trần AC 70/11 | Kg | 10.037,23 | 10.037,23 | |
| 6 | Dây dẫn trên không ACSR 50/8 | Mét | 15.425,00 | 3.004,79 | |
| 7 | Cáp điện M 1x95 mm ² | Mét | 30,00 | 25,30 | |
| 8 | Cáp điện M 2x7 mm ² PVC | Kg | 94,20 | 41,79 | |
| 9 | Cáp Cu/XLPE/PVC 3x50 + 1x25 mm ² | Kg | 7,62 | 4,81 | |
| 10 | Cáp Muyle 2x11 | Kg | 93,40 | 33,31 | |
| 11 | Cáp Muyle 2x16 | Kg | 24,80 | 10,88 | |
| 12 | Cáp nhị thứ các loại | Kg | 14,49 | 14,49 | |
| 13 | Cáp nhôm bọc AV 50 | Mét | 1.624,00 | 219,89 | |
| 14 | Cáp ABC (vặn xoắn) 2x50 | Mét | 4.576,00 | 1.239,18 | |
| 15 | Cáp ABC (vặn xoắn) 4x50 | Mét | 1.591,00 | 861,69 | |
| 16 | Cáp ABC (vặn xoắn) 4x70 | Kg | 276,30 | 215,22 | |
| 17 | Cáp ABC (vặn xoắn) 4x70 | Mét | 12.447,00 | 9.390,02 | |
| 18 | Cáp ABC (vặn xoắn) 4x95 | Mét | 3.400,00 | 3.455,42 | |
| 19 | Cáp điện M 3x16 + 1x10mm ² XLPE/PVC | Kg | 29,60 | 14,96 | |
| 20 | Cáp 35kV M3x185 CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC | Mét | 58,00 | 286,51 | |
| 21 | Đầu cáp 35 - 38.5kV 3x185 mm ² ngoài trời | Bộ | 1,00 | 1,00 | |
| 22 | Khóa điều khiển | Cái | 4,00 | 0,40 | |
| 23 | Dao cách ly 3 pha 110kV 2 lưỡi tiếp đất | Bộ | 2,00 | - | |
| 24 | Cầu dao cách ly 35kV thu hồi | Bộ | 4,00 | 200,00 | |
| 25 | Cầu dao cách ly 35kV thu hồi | Bộ | 3,00 | 150,00 | |

| TT | Tên chủng loại | DVT | Số lượng | Tổng trọng lượng (kg) | Ghi chú |
|----|------------------------------------|-----|-----------|-----------------------|---------|
| 26 | Ghép nhôm thu hồi các loại | Kg | 137,70 | 137,70 | |
| 27 | áp tô mát 3 pha 75A | Cái | 1,00 | 0,80 | |
| 28 | áp tô mát 3 pha 100A | Cái | 1,00 | 0,80 | |
| 29 | Công tơ 1 pha 10(40)A 220V có RTU | Cái | 13,00 | 19,50 | |
| 30 | Công tơ 1 pha 20(80)A 220V | Cái | 3,00 | 4,50 | |
| 31 | Công tơ 1 pha 230V-5(20)A | Cái | 168,00 | 252,00 | |
| 32 | Công tơ 1 pha 3(9)A 220V | Cái | 280,00 | 420,00 | |
| 33 | Công tơ 1 pha 3(9)A 220V | Cái | 323,00 | 484,50 | |
| 34 | Công tơ 1 pha 3(9)A 220V | Cái | 13,00 | 19,50 | |
| 35 | Công tơ 1 pha 3-12A 220V | Cái | 5,00 | 7,50 | |
| 36 | Công tơ 1 pha 5(20)A 220V | Cái | 5.500,00 | 8.250,00 | |
| 37 | Công tơ 1 pha 5(20)A 220V | Cái | 37,00 | 55,50 | |
| 38 | C.tơ 1 pha 5(10)A | Cái | 27,00 | 40,50 | |
| 39 | Tủ đấu dây ngoài trời MK | Tủ | 1,00 | - | |
| 40 | Đèn LED 30W | Cái | 8,00 | 1,60 | |
| 41 | Cáp quang ADSS 24 sợi | Mét | 430,00 | 58,05 | |
| 42 | Cáp quang ADSS 24 sợi | Mét | 36.040,00 | 4.865,40 | |
| 43 | ODF - 24 sợi quang (sắt vụn) | Bộ | 1,00 | 2,40 | |
| 44 | Dây nhảy duplex SC - SC/UPC dài 2m | Sợi | 20,00 | 4,00 | |
| 45 | Măng xông | Bộ | 16,00 | 8,00 | |
| 46 | Nấc phân áp MBA | Cái | 3,00 | 0,30 | |
| 47 | Dây mạng | Mét | 200,00 | 9,84 | |
| 48 | Xương cột thu hồi các loại | Kg | 1.063,90 | 1.063,90 | |
| 49 | Công tơ 1 pha thu hồi | cái | 2,00 | 3,00 | |
| 50 | Sắt các loại thu hồi | Kg | 7.430,56 | 7.430,56 | |
| 51 | Sắt xương cột | Kg | 1.016,60 | 1.016,60 | |
| 52 | Cáp nhôm trần A 50 | Kg | 26,70 | 26,71 | |
| 53 | Cáp trần AC 50/8 | Kg | 380,30 | 380,30 | |
| 54 | Cáp trần AC 70/11 | Kg | 1.638,50 | 1.638,50 | |
| 55 | Cáp nhôm bọc AV 35 | Kg | 435,80 | 285,26 | |
| 56 | Cáp nhôm bọc AV 50 | Kg | 2.950,70 | 1.970,77 | |
| 57 | Cáp nhôm bọc AV 70 | Mét | 316,30 | 217,40 | |
| 58 | Cáp ABC (vặn xoắn) 2x35 | Kg | 86,50 | 68,29 | |
| 59 | Cáp ABC (vặn xoắn) 2x50 | Mét | 301,00 | 81,51 | |

| TT | Tên chủng loại | ĐVT | Số lượng | Tổng trọng lượng (kg) | Ghi chú |
|----|-------------------------------|-----|----------|-----------------------|---------|
| 60 | Cáp ABC (vận xoắn) 2x50 | Kg | 460,60 | 351,58 | |
| 61 | Cáp ABC (vận xoắn) 4x35 | Kg | 115,40 | 84,01 | |
| 62 | Cáp ABC (vận xoắn) 4x50 | Kg | 1.487,90 | 1.134,94 | |
| 63 | Cáp ABC (vận xoắn) 4x50 | Mét | 441,00 | 238,85 | |
| 64 | Cáp ABC (vận xoắn) 4x70 | Kg | 112,70 | 87,79 | |
| 65 | Cáp bọc vận xoắn AL/XLPE 4x95 | Kg | 1.929,60 | 1.471,12 | |
| 66 | Cáp vận xoắn AL/XLPE 4x70 | Mét | 768,00 | 579,38 | |
| 67 | Cầu dao phụ tải 35kV | Cái | 1,00 | 23 | |
| 68 | TU 35kV cháy hỏng | Cái | 1,00 | 22 | |

PHỤ LỤC II

DANH MỤC TÀI SẢN, VTTB THU HỒI BÁN THANH LÝ LÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI HOẶC CÓ CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

| TT | Mã CTNH | Tên chủng loại | ĐVT | Số lượng | Tổng trọng lượng (kg) | Ghi chú |
|----|----------|--|-----|----------|-----------------------|---------|
| 1 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha RF 5-80A DDS26D | Cái | 21 | 9,03 | |
| 2 | 19.02.05 | Công tơ ĐT 1 pha 5(80)A SF80P - 20 | Cái | 6 | 2,58 | |
| 3 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 1 giá 5(80)A SF 80C-21/PSMART | Cái | 7 | 3,01 | |
| 4 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha RF 5(60)A | Cái | 14 | 6,02 | |
| 5 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 5-80A DDS26 (không đo xa) | Cái | 31 | 13,33 | |
| 6 | 19.02.05 | Công tơ ĐT 1 pha 5(80)A CE - 38 (EMIC) không đo xa | Cái | 1 | 0,43 | |
| 7 | 19.02.05 | Công tơ ĐT 1 pha 5(80)A SF80P - 20 (NLTM) có đo xa | Cái | 30 | 12,90 | |
| 8 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3x5(6)A 3x220/380V 1 biểu giá | Cái | 6 | 9,36 | |
| 9 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 10(40)A 220V | Cái | 1 | 0,43 | |
| 10 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 3 biểu giá 3x5(6)A - 3x(57.5/100-240/415)V CCX 0.5 | Cái | 7 | 10,92 | |
| 11 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 5(80)A 220V | Cái | 61 | 26,23 | |

| | | | | | | |
|----|----------|--|------|------|--------|--|
| 12 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 5(80)A-220V - CCX 1 RF | Cái | 10 | 4,30 | |
| 13 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 3 giá 3x5(6)A - 3x(57.5/100 - 240/450)V CCX 0.5 - có RF DTS27 | Cái | 11 | 17,16 | |
| 14 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 3 giá 3x5(6)A - 3x(57.5/100 - 240/450)V CCX 0.5 - có RF DTS27 | Cái | 1 | 1,56 | |
| 15 | 19.02.05 | Công tơ ĐT 3 pha nhiều biểu giá Landi & Gyr 3x10(100)A-230/400V. CCX1 kèm công RS485 | Cái | 2 | 3,12 | |
| 16 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 1 giá 3x5(100)A | Cái | 58 | 90,48 | |
| 17 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 3 giá 3x5(100)A | Cái | 1 | 1,56 | |
| 18 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 3 pha 1 biểu giá 3x10(100)A - PSMART | Cái | 2 | 3,12 | |
| 19 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 biểu giá 3x10(100)A-220/380V DTS-TQ | Cái | 42 | 65,52 | |
| 20 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 biểu giá 3x10(100)A-220/380V DTS-TQ | Cái | 11 | 17,16 | |
| 21 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 1 biểu giá 5(80)A-220V RF | Cái | 12 | 5,16 | |
| 22 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha 1 biểu giá 5(80)A-220V RF | Cái | 6 | 2,58 | |
| 23 | 19.02.05 | Công tơ điện tử 1 pha không đo xa 5(60)A | Cái | 6 | 2,58 | |
| 24 | 19.02.05 | Công tơ ĐT 1 pha 3 giá 220V 5(80)A.CCX1.có RF. | Cái | 2 | 0,86 | |
| 25 | 19.02.05 | Bộ tập trung dữ liệu DCU | Cái | 2 | 0,86 | |
| 26 | 19 02 03 | Lốc điều hòa 50.000BTU | Cái | 1 | 60 | |
| 27 | 16 01 13 | Camera quan sát trong nhà trọn bộ các loại | Bộ | 2 | 1,00 | |
| 28 | 16 01 13 | Camera quan sát ngoài trời trọn bộ các loại | Bộ | 2 | 1,00 | |
| 29 | 16 01 13 | Main board | Cái | 1 | 0,50 | |
| 30 | 16 01 13 | Bộ chuyển đổi quang điện | Bộ | 1 | 0,50 | |
| 31 | 16 01 13 | Tivi các loại | Cái | 1 | 3,00 | |
| 32 | 19.06.01 | Ắc quy kín khí 12V-120Ah | Bình | 20 | 600,00 | |
| 33 | 19 02 05 | Module (Cáp quang) | Cái | 6 | 0,12 | |
| 34 | 19 06 05 | Bộ nguồn 220V thu hồi các loại | Cái | 1,00 | 0,50 | |
| | | | | | | |

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Bảng chấm điểm được áp dụng theo Thông tư số 02/2022-TT-BTP ngày 8/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:
2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:
3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT | NỘI DUNG | Tên tổ chức đấu giá tài sản 1 | Tên tổ chức đấu giá tài sản 2 | Tên tổ chức đấu giá tài sản |
|-----------|---|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | | | |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | | | |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | | | |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | | | |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | | | |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | | | |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả | | | |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | | | |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | | | |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá | | | |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | | | |

| | | | | |
|------------|--|--|--|--|
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | | | |
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá | | | |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | | | |
| 1 | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá | | | |
| 2 | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm | | | |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) | | | |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản | | | |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản | | | |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng | | | |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động | | | |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | | | |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp | | | |
| 1 | Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính | | | |
| 2 | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | | | |

| | | | | |
|---------------------|---|--|--|--|
| 3 | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phân chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | | | |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | | | |
| Tổng số điểm | | | | |

Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)